TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 431/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2019
V/v tranh chấp "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót

2. Ông Dương Văn Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên toà:*

Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2017/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim T, sinh năm 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 103/1 ấp NB, xã A, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Đào Văn T, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Địa chỉ: 184/1 ấp QK, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Lê Thị Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị đăng ký kết hôn với anh Đào Văn T tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre vào ngày 24-4-2013, hôn nhân giữa chị và anh T là tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh T cất nhà ở riêng tại ấp QK, xã Q, thời gian này vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó vợ chồng quyết định đi làm trên thành phố Hồ Chí Minh, trong khoảng thời gian này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau, sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cha mẹ có khuyên bảo, hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không được, anh T ở hẳn chỗ làm mà không về chung sống với chị. Lúc đầu anh T nói chị gửi đơn ly hôn nhưng chị còn mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị không đồng ý. Tuy nhiên, tình cảm giữa chị và anh T không hàn gắn được nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Khi ly hôn, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho chị.

Về nuôi con chung: chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Đào Văn T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng đều vắng mặt không có lý do, anh T không có văn bản nêu ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có yêu cầu phản tố gửi đến Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Kim T thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đào Văn T chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Do chị T và anh T có thời gian ly thân gần hai năm nhưng không hàn gắn được tình cảm nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị T trình bày không có con chung nên không xem xét.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim T, chị T yêu cầu ly với anh T nên đây là tranh chấp "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Đào Văn T đăng ký thường trú tại 184/1 ấp QK, xã Q, huyện P, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[3] Về tố tụng: Nguyên đơn Lê Thị Kim T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn Đào Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Đào Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều

227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24-4-2013 nên hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Chị T có yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng sống chung có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, cả hai có thời gian dài không quan tâm, chăm sóc nhau, hôn nhân không hạnh phúc, dù đã được gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Anh T biết rõ việc chị T có đơn xin ly hôn với anh và anh đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu của Tòa án nhiều lần đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Từ đó có căn cứ kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T có yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh T. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên không xem xét.

[5] *Về nuôi con chung*: chị T trình bày không có on chung nên không xem xét.

[6] *Về chia tài sản, nợ chung:* Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

[7] *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Kim T. Cho chị Lê Thị Kim T ly hôn với anh Đào Văn T. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về nuôi con chung: chị T trình bày không có con chung nên không xem xét.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng(ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai số 0003842 ngày 03-6-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thanh Minh